

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI

Số: 1098 /CTK-TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - hạnh phúc

Yên Bái, ngày 13 tháng 12 năm 2024

LỊCH PHỔ BIẾN THÔNG TIN THỐNG KÊ NĂM 2025
CỦA CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
I	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG				
1	Ấn phẩm				
1.1	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 năm 2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
1.2	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 1 năm 2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
1.3	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 2 và 2 tháng năm 2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
1.4	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 4 và 4 tháng năm 2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
1.5	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 và 5 tháng năm 2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
1.6	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng năm 2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
1.7	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
1.8	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
1.9	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2	Chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã				
2.1	Tổng thu NSNN trên địa bàn tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.2	Tổng thu NSNN trên địa bàn tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.3	Tổng thu NSNN trên địa bàn tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.4	Tổng thu NSNN trên địa bàn tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.5	Tổng thu NSNN trên địa bàn tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.6	Tổng thu NSNN trên địa bàn tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.7	Tổng thu NSNN trên địa bàn tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.8	Tổng thu NSNN trên địa bàn tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.9	Tổng thu NSNN trên địa bàn tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.10	Tổng thu NSNN trên địa bàn tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.11	Tổng thu NSNN trên địa bàn tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.12	Tổng thu NSNN trên địa bàn tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.13	Tổng chi NSNN địa phương tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.14	Tổng chi NSNN địa phương tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.15	Tổng chi NSNN địa phương tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.16	Tổng chi NSNN địa phương tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.17	Tổng chi NSNN địa phương tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.18	Tổng chi NSNN địa phương tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.19	Tổng chi NSNN địa phương tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.20	Tổng chi NSNN địa phương tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.21	Tổng chi NSNN địa phương tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.22	Tổng chi NSNN địa phương tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.23	Tổng chi NSNN địa phương tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.24	Tổng chi NSNN địa phương tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.25	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ toàn tỉnh tháng 12/2024	Chính thức	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.26	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực thành thị tháng 12/2024	Chính thức	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.27	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực nông thôn tháng 12/2024	Chính thức	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.28	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ toàn tỉnh tháng 1/2025	Chính thức	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.29	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực thành thị tháng 1/2025	Chính thức	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.30	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực nông thôn tháng 1/2025	Chính thức	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.31	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ toàn tỉnh tháng 2/2025	Chính thức	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.32	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực thành thị tháng 2/2025	Chính thức	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.33	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực nông thôn tháng 2/2025	Chính thức	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.34	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ toàn tỉnh tháng 3/2025	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.35	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực thành thị tháng 3/2025	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.36	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực nông thôn tháng 3/2025	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.37	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ toàn tỉnh tháng 4/2025	Chính thức	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.38	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực thành thị tháng 4/2025	Chính thức	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.39	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực nông thôn tháng 4/2025	Chính thức	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.40	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ toàn tỉnh tháng 5/2025	Chính thức	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.41	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực thành thị tháng 5/2025	Chính thức	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.42	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực nông thôn tháng 5/2025	Chính thức	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.43	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ toàn tỉnh tháng 6/2025	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.44	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực thành thị tháng 6/2025	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.45	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực nông thôn tháng 6/2025	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.46	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ toàn tỉnh tháng 7/2025	Chính thức	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.47	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực thành thị tháng 7/2025	Chính thức	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.48	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực nông thôn tháng 7/2025	Chính thức	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.49	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ toàn tỉnh tháng 8/2025	Chính thức	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.50	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực thành thị tháng 8/2025	Chính thức	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.51	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực nông thôn tháng 8/2025	Chính thức	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.52	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ toàn tỉnh tháng 9/2025	Chính thức	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.53	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực thành thị tháng 9/2025	Chính thức	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.54	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực nông thôn tháng 9/2025	Chính thức	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.55	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ toàn tỉnh tháng 10/2025	Chính thức	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.56	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực thành thị tháng 10/2025	Chính thức	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.57	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực nông thôn tháng 10/2025	Chính thức	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.58	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ toàn tỉnh tháng 11/2025	Chính thức	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.59	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực thành thị tháng 11/2025	Chính thức	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.60	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ khu vực nông thôn tháng 11/2025	Chính thức	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.61	Chỉ số giá sản xuất công nghiệp tháng 12/2024	Chính thức	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.62	Chỉ số giá sản xuất công nghiệp tháng 1/2025	Chính thức	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.63	Chỉ số giá sản xuất công nghiệp tháng 2/2025	Chính thức	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.64	Chỉ số giá sản xuất công nghiệp tháng 3/2025	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.65	Chỉ số giá sản xuất công nghiệp tháng 4/2025	Chính thức	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.66	Chỉ số giá sản xuất công nghiệp tháng 5/2025	Chính thức	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.67	Chỉ số giá sản xuất công nghiệp tháng 6/2025	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.68	Chỉ số giá sản xuất công nghiệp tháng 7/2025	Chính thức	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.69	Chỉ số giá sản xuất công nghiệp tháng 8/2025	Chính thức	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.70	Chỉ số giá sản xuất công nghiệp tháng 9/2025	Chính thức	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.71	Chỉ số giá sản xuất công nghiệp tháng 10/2025	Chính thức	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.72	Chỉ số giá sản xuất công nghiệp tháng 11/2025	Chính thức	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.73	Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 12/2024	Chính thức	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.74	Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 1/2025	Chính thức	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.75	Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 2/2025	Chính thức	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.76	Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 3/2025	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.77	Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 4/2025	Chính thức	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.78	Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 5/2025	Chính thức	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.79	Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng tháng 6/2025	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.80	Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 7/2025	Chính thức	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.81	Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 8/2025	Chính thức	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.82	Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 9/2025	Chính thức	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.83	Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy tháng 10/2025	Chính thức	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.84	Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 11/2025	Chính thức	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.85	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 12/2024	Chính thức	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.86	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 1/2025	Chính thức	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.87	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 2/2025	Chính thức	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.88	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 3/2025	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.89	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 4/2025	Chính thức	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.90	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 5/2025	Chính thức	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.91	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 6/2025	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.92	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 7/2025	Chính thức	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.93	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 8/2025	Chính thức	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.94	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 9/2025	Chính thức	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.95	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 10/2025	Chính thức	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.96	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 11/2025	Chính thức	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.97	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo tháng 12/2024	Chính thức	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.98	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo tháng 1/2025	Chính thức	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.99	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo tháng 2/2025	Chính thức	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.100	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo tháng 3/2025	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.101	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo tháng 4/2025	Chính thức	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.102	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo tháng 5/2025	Chính thức	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.103	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo tháng 6/2025	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.104	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo tháng 7/2025	Chính thức	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.105	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo tháng 8/2025	Chính thức	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.106	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo tháng 9/2025	Chính thức	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.107	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo tháng 10/2025	Chính thức	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.108	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo tháng 11/2025	Chính thức	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.109	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho xây dựng tháng 12/2024	Chính thức	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.110	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho xây dựng tháng 1/2025	Chính thức	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.111	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho xây dựng tháng 2/2025	Chính thức	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.112	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho xây dựng tháng 3/2025	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.113	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho xây dựng tháng 4/2025	Chính thức	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.114	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho xây dựng tháng 5/2025	Chính thức	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.115	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho xây dựng tháng 6/2025	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.116	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho xây dựng tháng 7/2025	Chính thức	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.117	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho xây dựng tháng 8/2025	Chính thức	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.118	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho xây dựng tháng 9/2025	Chính thức	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.119	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho xây dựng tháng 10/2025	Chính thức	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.120	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu dùng cho xây dựng tháng 11/2025	Chính thức	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.121	Tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.122	Tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.123	Tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.124	Tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.125	Tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.126	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.127	Tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.128	Tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.129	Tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.130	Tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.131	Tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.132	Tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.133	Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.134	Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.135	Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.136	Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.137	Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.138	Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.139	Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.140	Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.141	Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.142	Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.143	Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.144	Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.145	Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.146	Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.147	Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.148	Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.149	Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.150	Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.151	Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.152	Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.153	Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.154	Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.155	Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.156	Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.157	Vốn ngân sách nhà nước cấp xã tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.158	Vốn ngân sách nhà nước cấp xã tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.159	Vốn ngân sách nhà nước cấp xã tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.160	Vốn ngân sách nhà nước cấp xã tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.161	Vốn ngân sách nhà nước cấp xã tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.162	Vốn ngân sách nhà nước cấp xã tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.163	Vốn ngân sách nhà nước cấp xã tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.164	Vốn ngân sách nhà nước cấp xã tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.165	Vốn ngân sách nhà nước cấp xã tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.166	Vốn ngân sách nhà nước cấp xã tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.167	Vốn ngân sách nhà nước cấp xã tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.168	Vốn ngân sách nhà nước cấp xã tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.169	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.170	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.171	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.172	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.173	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.174	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.175	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.176	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.177	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.178	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.179	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.180	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.181	Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.182	Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.183	Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.184	Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.185	Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.186	Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.187	Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.188	Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.189	Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.190	Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.191	Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.192	Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.193	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.194	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.195	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.196	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.197	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.198	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.199	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.200	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.201	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.202	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.203	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.204	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.205	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.206	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.207	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.208	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.209	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.210	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.211	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.212	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.213	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.214	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.215	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.216	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.217	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.218	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.219	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.220	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.221	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.222	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.223	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.224	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.225	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.226	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.227	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.228	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.229	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.230	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.231	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.232	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.233	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.234	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 5/2024	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.235	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.236	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.237	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.238	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.239	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.240	Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.241	Doanh thu dịch vụ du lịch lễ hành tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.242	Doanh thu dịch vụ du lịch lễ hành tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.243	Doanh thu dịch vụ du lịch lễ hành tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.244	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.245	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.246	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.247	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.248	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.249	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.250	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.251	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.252	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.253	Doanh thu dịch vụ dịch vụ khác tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.254	Doanh thu dịch vụ dịch vụ khác tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.255	Doanh thu dịch vụ dịch vụ khác tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.256	Doanh thu dịch vụ dịch vụ khác tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.257	Doanh thu dịch vụ dịch vụ khác tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.258	Doanh thu dịch vụ dịch vụ khác tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.259	Doanh thu dịch vụ dịch vụ khác tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.260	Doanh thu dịch vụ dịch vụ khác tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.261	Doanh thu dịch vụ dịch vụ khác tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.262	Doanh thu dịch vụ dịch vụ khác tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.263	Doanh thu dịch vụ dịch vụ khác tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.264	Doanh thu dịch vụ dịch vụ khác tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.265	Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.266	Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.267	Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.268	Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.269	Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.270	Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.271	Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.272	Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.273	Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.274	Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.275	Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.276	Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.277	Số lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.278	Số lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.279	Số lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.280	Số lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.281	Số lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.282	Số lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.283	Số lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.284	Số lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.285	Số lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.286	Số lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.287	Số lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.288	Số lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.289	Số lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.290	khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.291	khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.292	khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.293	khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.294	khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.295	khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.296	khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.297	khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.298	khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.299	khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.300	khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.301	Diện tích gieo trồng cây hàng năm tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.302	Diện tích gieo trồng cây hàng năm tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.303	Diện tích gieo trồng một số cây hàng tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.304	Diện tích gieo trồng cây hàng năm tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.305	Diện tích gieo trồng cây hàng năm tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.306	Diện tích gieo trồng cây hàng năm tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.307	Diện tích gieo trồng cây hàng năm tháng 6 năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.308	Diện tích gieo trồng cây hàng năm tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.309	Diện tích gieo trồng cây hàng năm tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.310	Diện tích gieo trồng cây hàng năm tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.311	Diện tích gieo trồng một số cây hàng năm tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.312	Diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ mùa tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.313	Diện tích gieo trồng cây lâu năm tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.314	Diện tích gieo trồng cây lâu năm tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.315	Diện tích gieo trồng cây lâu năm tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.316	Diện tích gieo trồng cây lâu năm tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.317	Diện tích gieo trồng cây lâu năm tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.318	Diện tích gieo trồng cây lâu năm tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.319	Diện tích gieo trồng cây lâu năm tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.320	Diện tích gieo trồng cây lâu năm tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.321	Diện tích gieo trồng cây lâu năm tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.322	Diện tích gieo trồng cây lâu năm tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.323	Diện tích gieo trồng một lâu năm tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.324	Diện tích gieo trồng cây lâu năm tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.325	Số lượng đầu con gia súc, gia cầm tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.326	Số lượng đầu con gia súc, gia cầm tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.327	Số lượng đầu con gia súc, gia cầm tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.328	Số lượng đầu con gia súc, gia cầm tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.329	Số lượng đầu con gia súc, gia cầm tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.330	Số lượng đầu con gia súc, gia cầm tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.331	Số lượng đầu con gia súc, gia cầm tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.332	Số lượng đầu con gia súc, gia cầm tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.333	Số lượng đầu con gia súc, gia cầm tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.334	Số lượng đầu con gia súc, gia cầm tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.335	Số lượng đầu con gia súc, gia cầm tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.336	Số lượng đầu con gia súc, gia cầm tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.337	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.338	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.339	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.340	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.341	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.342	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.343	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.344	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.345	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.346	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.347	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.348	Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.349	Số cây lâm nghiệp trồng phân tán tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.350	Số cây lâm nghiệp trồng phân tán tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.351	Số cây lâm nghiệp trồng phân tán tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.352	Số cây lâm nghiệp trồng phân tán tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.353	Số cây lâm nghiệp trồng phân tán tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.354	Số cây lâm nghiệp trồng phân tán tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.355	Số cây lâm nghiệp trồng phân tán tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.356	Số cây lâm nghiệp trồng phân tán tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.357	Số cây lâm nghiệp trồng phân tán tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.358	Số cây lâm nghiệp trồng phân tán tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.359	Số cây lâm nghiệp trồng phân tán tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.360	Số cây lâm nghiệp trồng phân tán tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.361	Sản lượng gỗ khai thác tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.362	Sản lượng gỗ khai thác tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.363	Sản lượng gỗ khai thác tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.364	Sản lượng gỗ khai thác tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.365	Sản lượng gỗ khai thác tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.366	Sản lượng gỗ khai thác tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.367	Sản lượng gỗ khai thác tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.368	Sản lượng gỗ khai thác tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.369	Sản lượng gỗ khai thác tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.370	Sản lượng gỗ khai thác tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.371	Sản lượng gỗ khai thác tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.372	Sản lượng gỗ khai thác tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.373	Tổng sản lượng thủy sản tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.374	Tổng sản lượng thủy sản tháng 1/2025	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.375	Tổng sản lượng thủy sản tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.376	Tổng sản lượng thủy sản tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.377	Tổng sản lượng thủy sản tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.378	Tổng sản lượng thủy sản tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.379	Tổng sản lượng thủy sản tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.380	Tổng sản lượng thủy sản tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.381	Tổng sản lượng thủy sản tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.382	Tổng sản lượng thủy sản tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.383	Tổng sản lượng thủy sản tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.384	Tổng sản lượng thủy sản tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.385	Sản lượng thủy sản khai thác tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.386	Sản lượng thủy sản khai thác tháng 1/2024	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.387	Sản lượng thủy sản khai thác tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.388	Sản lượng thủy sản khai thác tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.389	Sản lượng thủy sản khai thác tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.390	Sản lượng thủy sản khai thác tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.391	Sản lượng thủy sản khai thác tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.392	Sản lượng thủy sản khai thác tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.393	Sản lượng thủy sản khai thác tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.394	Sản lượng thủy sản khai thác tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.395	Sản lượng thủy sản khai thác tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.396	Sản lượng thủy sản khai thác tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.397	Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 12/2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.398	Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 1/2024	Ước tính	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.399	Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 2/2025	Ước tính	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.400	Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 3/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.401	Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.402	Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.403	Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 6/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.404	Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.405	Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.406	Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.407	Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.408	Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.409	Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm - vụ đông xuân 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.410	Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm - vụ mùa/Vụ 3 và cả năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.411	Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm - vụ mùa/Vụ 3 và cả năm 2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.412	Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm - vụ đông 2025	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.413	Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm - vụ đông xuân 2025	Chính thức	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.414	Số vụ tai nạn giao thông và thiệt hại tháng 12/2024	Sơ bộ	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.415	Số vụ tai nạn giao thông và thiệt hại tháng 1/2025	Sơ bộ	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.416	Số vụ tai nạn giao thông và thiệt hại tháng 2/2025	Sơ bộ	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.417	Số vụ tai nạn giao thông và thiệt hại tháng 3/2025	Sơ bộ	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.418	Số vụ tai nạn giao thông và thiệt hại tháng 4/2025	Sơ bộ	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.419	Số vụ tai nạn giao thông và thiệt hại tháng 5/2025	Sơ bộ	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.420	Số vụ tai nạn giao thông và thiệt hại tháng 6/2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.421	Số vụ tai nạn giao thông và thiệt hại tháng 7/2025	Sơ bộ	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.422	Số vụ tai nạn giao thông và thiệt hại tháng 8/2025	Sơ bộ	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.423	Số vụ tai nạn giao thông và thiệt hại tháng 9/2025	Sơ bộ	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.424	Số vụ tai nạn giao thông và thiệt hại tháng 10/2025	Sơ bộ	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.425	Số vụ tai nạn giao thông và thiệt hại tháng 11/2025	Sơ bộ	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.426	Số vụ thiên tai và thiệt hại tháng 12/2024	Sơ bộ	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.427	Số vụ thiên tai và thiệt hại tháng 1/2025	Sơ bộ	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.428	Số vụ thiên tai và thiệt hại tháng 2/2025	Sơ bộ	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.429	Số vụ thiên tai và thiệt hại tháng 3/2025	Sơ bộ	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.430	Số vụ thiên tai và thiệt hại tháng 4/2025	Sơ bộ	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.431	Số vụ thiên tai và thiệt hại tháng 5/2025	Sơ bộ	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.432	Số vụ thiên tai và thiệt hại tháng 6/2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.433	Số vụ thiên tai và thiệt hại tháng 7/2025	Sơ bộ	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.434	Số vụ thiên tai và thiệt hại tháng 8/2025	Sơ bộ	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.435	Số vụ thiên tai và thiệt hại tháng 9/2025	Sơ bộ	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.436	Số vụ thiên tai và thiệt hại tháng 10/2025	Sơ bộ	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.437	Số vụ thiên tai và thiệt hại tháng 11/2025	Sơ bộ	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.438	Số vụ cháy nổ và thiệt hại tháng 12/2024	Sơ bộ	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.439	Số vụ cháy nổ và thiệt hại tháng 1/2025	Sơ bộ	02/2/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.440	Số vụ cháy nổ và thiệt hại tháng 2/2025	Sơ bộ	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.441	Số vụ cháy nổ và thiệt hại tháng 3/2025	Sơ bộ	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.442	Số vụ cháy nổ và thiệt hại tháng 4/2025	Sơ bộ	02/5/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.443	Số vụ cháy nổ và thiệt hại tháng 5/2025	Sơ bộ	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.444	Số vụ cháy nổ và thiệt hại tháng 6/2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.445	Số vụ cháy nổ và thiệt hại tháng 7/2025	Sơ bộ	02/8/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.446	Số vụ cháy nổ và thiệt hại tháng 8/2025	Sơ bộ	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.447	Số vụ cháy nổ và thiệt hại tháng 9/2025	Sơ bộ	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.448	Số vụ cháy nổ và thiệt hại tháng 10/2025	Sơ bộ	02/11/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.449	Số vụ cháy nổ và thiệt hại tháng 11/2025	Sơ bộ	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
	...				
II	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG QUÝ				
1	Ấn phẩm				

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
1.1	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 3 và 3 tháng năm 2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
1.2	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 6 và 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
1.3	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng năm 2024	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2	Chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã				
2.1	Tốc độ phát triển Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.2	Tốc độ phát triển Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) quý II và 6 tháng 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.3	Tốc độ phát triển Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) quý III và 9 tháng 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.4	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.5	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.6	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.7	Thu từ doanh nghiệp nhà nước (TW+ĐP) quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.8	Thu từ doanh nghiệp nhà nước (TW+ĐP) 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.9	Thu từ doanh nghiệp nhà nước (TW+ĐP) 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.10	Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.11	Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.12	Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.13	Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.14	Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.15	Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.16	Thuế thu nhập cá nhân quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.17	Thuế thu nhập cá nhân 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.18	Thuế thu nhập cá nhân 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.19	Thuế bảo vệ môi trường quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.20	Thuế bảo vệ môi trường 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.21	Thuế bảo vệ môi trường 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.22	Thuế bảo vệ môi trường quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.23	Thuế bảo vệ môi trường 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.24	Thuế bảo vệ môi trường 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.25	Thu phí, lệ phí quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.26	Thu phí, lệ phí 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.27	Thu phí, lệ phí 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.28	Lệ phí trước bạ quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.29	Lệ phí trước bạ 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.30	Lệ phí trước bạ 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.31	Các khoản thu về nhà, đất quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.32	Các khoản thu về nhà, đất 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.33	Các khoản thu về nhà, đất 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.34	Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán) quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.35	Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán) 5 tháng năm 2024	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.36	Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán) 5 tháng	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.37	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tiền sử dụng khu vực biển quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.38	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tiền sử dụng khu vực biển 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.39	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tiền sử dụng khu vực biển 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.40	Thu khác ngân sách quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.41	Thu khác ngân sách 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.42	Thu khác ngân sách 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.43	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.44	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.45	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.46	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.47	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.48	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.49	Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.50	Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.51	Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.52	Thu viện trợ quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.53	Thu viện trợ 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.54	Thu viện trợ 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.55	Các khoản huy động đóng góp quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.56	Các khoản huy động đóng góp 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.57	Các khoản huy động đóng góp 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.58	Tổng chi ngân sách nhà nước tính quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.59	Chi ngân sách nhà nước tính 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.60	Chi ngân sách nhà nước tính 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.61	Chi NSNN đầu tư phát triển quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.62	Chi NSNN đầu tư phát triển 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.63	Chi NSNN đầu tư phát triển 9 tháng năm 2024	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.64	Chi NSNN trả nợ lãi quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.65	Chi NSNN trả nợ lãi 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.66	Chi NSNN trả nợ lãi 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.67	Chi NSNN thường xuyên quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.68	Chi NSNN thường xuyên 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.69	Chi NSNN thường xuyên 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.70	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.71	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.72	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.73	Chi dự phòng ngân sách quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.74	Chi dự phòng ngân sách 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.75	Chi dự phòng ngân sách 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.76	Chi viện trợ quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.77	Chi viện trợ 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.78	Chi viện trợ 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.79	Các nhiệm vụ chi khác quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.80	Các nhiệm vụ chi khác 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.81	Các nhiệm vụ chi khác 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.82	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Quý I/2025	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.83	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) quý II; 6 tháng năm 2025	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.84	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) quý III; 9 tháng năm 2025	Chính thức	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.85	Chỉ số giá vàng quý I năm 2025	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.86	Chỉ số giá vàng quý II, 6 tháng năm 2025	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.87	Chỉ số giá vàng quý III, 6 tháng năm 2025	Chính thức	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.88	Chỉ số giá đô la Mỹ quý I năm 2025	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.89	Chỉ số giá đô la Mỹ quý II và 6 tháng năm 2025	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.90	Chỉ số giá đô la Mỹ quý III và 9 tháng năm 2025	Chính thức	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.91	Chỉ số giá sản xuất công nghiệp quý I/2025	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.92	Chỉ số giá sản xuất công nghiệp quý II/2025	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.93	Chỉ số giá sản xuất công nghiệp quý III/2025	Chính thức	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.94	Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I/2025	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.95	Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý II/2025	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.96	Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý III/2025	Chính thức	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.97	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất quý I/2025	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.98	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất quý II/202	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.99	Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất quý III/2025	Chính thức	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.100	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn Quý I năm 2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.101	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn Quý II và 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.102	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn Quý III và 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.103	Giá trị sản xuất ngành xây dựng quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.104	Giá trị sản xuất ngành xây dựng quý II/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.105	Giá trị sản xuất ngành xây dựng quý III/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.106	Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I năm 2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.107	Chỉ số sản xuất công nghiệp quý II năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.108	Chỉ số sản xuất công nghiệp quý III năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.109	Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.110	Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp quý II/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.111	Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp quý III/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.112	Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.113	Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý II/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.114	Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý III/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.115	Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.116	Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý II/2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.117	Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý III/2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.118	Doanh thu bán lẻ hàng hóa 3 tháng năm 2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.119	Doanh thu bán lẻ hàng hóa 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.120	Doanh thu bán lẻ hàng hóa 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.121	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống 3 tháng năm 2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.122	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.123	Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.124	Doanh thu vận tải 3 tháng năm 2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.125	Doanh thu vận tải 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.126	Doanh thu vận tải 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.127	Số lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển 3 tháng năm 2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.128	Số lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.129	Số lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.130	khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển 3 tháng năm 2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.131	khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.132	khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.133	Diện tích gieo trồng cây hàng năm 3 tháng năm 2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.134	Diện tích gieo trồng cây hàng năm 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.135	Diện tích gieo trồng cây hàng năm 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.136	Diện tích, năng suất, sản lượng cây lâu năm năm 2024	Sơ bộ	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.137	Diện tích, năng suất, sản lượng cây lâu năm năm 2024	Chính thức	2/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.138	Diện tích gieo trồng cây lâu năm 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.139	Diện tích gieo trồng cây lâu năm 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.140	Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm vụ đông 2025	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.141	Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm vụ đông xuân 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.142	Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm vụ đông xuân 2025	Chính thức	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.143	Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng vụ mùa và cả năm 2024	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.144	Diện tích, sản lượng cây lâu năm- 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.145	Diện tích, sản lượng cây lâu năm- 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.146	Số lượng và sản phẩm chăn nuôi năm 2024	Chính thức	02/3/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.147	Số lượng và sản phẩm chăn nuôi quý I/2025	Chính thức	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.148	Số lượng và sản phẩm chăn nuôi ước tính 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.149	Số lượng và sản phẩm chăn nuôi 6 tháng đầu năm 2025	Sơ bộ	02/9/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.150	Diện tích rừng trồng mới tập trung 3 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.151	Diện tích rừng trồng mới tập trung 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.152	Diện tích rừng trồng được chăm sóc 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.153	Diện tích rừng được khoanh nuôi xúc tiến tái sinh 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.154	Cây lâm nghiệp trồng phân tán 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.155	Ươm giống cây lâm nghiệp 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.156	Dịch vụ lâm nghiệp 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.157	Gỗ và sản phẩm từ gỗ khai thác 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.158	Sản phẩm lấy thân họ tre 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.159	Sản phẩm lấy nhựa cây 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.160	Diện tích rừng trồng mới tập trung 9 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.161	Diện tích rừng trồng được chăm sóc 9 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.162	Diện tích rừng được khoanh nuôi xúc tiến tái sinh 9 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.163	Cây lâm nghiệp trồng phân tán 9 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.164	Ươm giống cây lâm nghiệp 9 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.165	Dịch vụ lâm nghiệp 9 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.166	Gỗ và sản phẩm từ gỗ khai thác 9 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.167	Sản phẩm lấy thân họ tre 9 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.168	Sản phẩm lấy nhựa cây 9 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.169	Diện tích rừng trồng mới tập trung năm 2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.170	Diện tích rừng trồng được chăm sóc năm 2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.171	Diện tích rừng được khoanh nuôi xúc tiến tái sinh năm 2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.172	Cây lâm nghiệp trồng phân tán năm 2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.173	Ươm giống cây lâm nghiệp năm 2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.174	Dịch vụ lâm nghiệp năm 2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.175	Gỗ và sản phẩm từ gỗ khai thác năm 2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.176	Sản phẩm lấy thân họ tre năm 2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.177	Sản phẩm lấy nhựa cây năm 2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.178	Diện tích rừng trồng mới tập trung năm 2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.179	Diện tích rừng trồng được chăm sóc năm 2024	Ước tính	02/1/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.180	Diện tích nuôi trồng thủy sản 3 tháng năm 2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.181	Diện tích nuôi trồng thủy sản 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.182	Diện tích nuôi trồng thủy sản 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.183	Tổng sản lượng thủy sản 3 tháng năm 2025	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.184	Tổng sản lượng thủy sản 6 tháng năm 2025	Ước tính	02/6/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.185	Tổng sản lượng thủy sản 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.186	Diện tích nuôi trồng thủy sản 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.187	Sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.188	Diện tích nuôi trồng thủy sản 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.189	Sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.190	Giá trị sản phẩm thu hoạch trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2024	Ước tính	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.191	Số lượng trang trại năm 2024	Chính thức	02/4/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
	...				
III	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM				
1	Ấn phẩm				
1.1	Niên giám thống kê tỉnh Yên Bái năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
1.2	Tờ gấp số liệu thống kê chủ yếu 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
1.3	Tờ gấp số liệu thống kê chủ yếu năm 2025	Ước tính	02/12/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
	...				
2	Chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã				
2.1	Diện tích, dân số và mật độ dân số năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.2	Số hộ phân theo thành thị nông thôn năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.3	Dân số trung bình phân theo giới tính và phân theo thành thị, nông thôn năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.4	Dân số trung bình phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.5	Dân số trung bình nam phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.6	Dân số trung bình nữ phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.7	Dân số trung bình thành thị phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.8	Dân số trung bình nông thôn phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.9	Dân số 15 tuổi trở lên phân theo tình trạng hôn nhân năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.10	Tỷ số giới tính của dân số và tổng tỷ xuất sinh năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.11	Tỷ suất sinh thô, tỷ suất chết thô và tỷ lệ tăng tự nhiên của dân số năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.12	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi phân theo giới tính năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.13	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi phân theo giới tính năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.14	Tỷ suất nhập cư, xuất cư và dư cư thuần phân theo giới tính năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.15	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh phân theo giới tính năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.16	Số cuộc kết hôn năm 2024 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.17	Số cuộc kết hôn trung bình lần đầu phân theo giới tính năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.18	Số vụ ly hôn đã xét xử phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.19	Tuổi ly hôn trung bình lần đầu phân theo giới tính và theo thành thị nông thôn năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.20	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ phân theo thành thị và nông thôn năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.21	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh phân theo giới tính và đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.22	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử giới tính và đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.23	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo giới tính và thành thị nông thôn năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.24	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm phân theo loại hình kinh tế	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.25	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm phân theo giới tính và thành thị nông thôn năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.26	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm phân theo ngành kinh tế kinh tế	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.27	Cơ cấu lao từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm phân theo ngành kinh tế kinh tế năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.28	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm phân theo nghề nghiệp và vị thế việc làm năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.29	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo phân theo giới tính và theo thành thị nông thôn năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.30	Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi phân theo giới tính và thành thị, nông thôn năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.31	Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi phân theo giới tính và thành thị, nông thôn năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.32	Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức phân theo giới tính và thành thị, nông thôn năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.33	Năng suất lao động xã hội phân theo ngành kinh tế năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.34	Thu nhập bình quân của lao động đang làm việc phân theo ngành kinh tế năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.35	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.36	Cơ cấu thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.37	Chi ngân sách địa phương năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.38	Cơ cấu chi ngân sách địa phương năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Tổng hợp
2.39	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo (giá hiện hành) năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.40	Cơ cấu vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn (theo giá hiện hành) năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.41	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo (giá so sánh 2010) năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.42	Chỉ số phát triển vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn (theo giá so sánh 2010) năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.43	Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép năm 2024 phân theo ngành kinh tế	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.44	Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép năm 2024 phân theo đối tác đầu tư chủ yếu	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.45	Số trang trại phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.46	Diện tích, sản lượng cây lương thực có hạt năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.47	Sản lượng cây lương thực có hạt phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.48	Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.49	Diện tích gieo trồng lúa cả năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.50	Năng suất lúa cả năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.51	Sản lượng lúa cả năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.52	Diện tích gieo trồng lúa cả năm phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.53	Năng suất lúa cả năm phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.54	Sản lượng lúa cả năm phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.55	Diện tích lúa đông xuân phân theo phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.56	Năng suất lúa đông xuân phân theo phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.57	Sản lượng lúa đông xuân phân theo phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.58	Diện tích lúa mùa phân theo phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.59	Năng suất lúa mùa phân theo phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.60	Sản lượng lúa mùa phân theo phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.61	Diện tích ngô phân theo phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.62	Năng suất ngô phân theo phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.63	Sản lượng ngô phân theo phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.64	Diện tích khoai lang phân theo phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.65	Năng suất khoai lang phân phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.66	Sản lượng khoai lang phân theo phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.67	Diện tích sản phân theo phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.68	Năng suất sản phân theo phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.69	Sản lượng sản phân theophân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.70	Diện tích gieo trồng một số cây lâu năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.71	Diện tích cho sản phẩm và sản lượng một số cây lâu năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.72	Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.73	Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.74	Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.75	Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.76	Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.77	Sản lượng thủy sản năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.78	Diện tích nuôi trồng thủy sản phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.79	Sản lượng thủy sản phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.80	Diện tích rừng trồng mới tập trung năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.81	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ phân theo loại lâm sản năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.82	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành phân theo ngành kinh doanh năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.83	Tổng mức bán lẻ hàng hoá theo giá hiện hành phân theo nhóm hàng năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.84	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống theo giá hiện hành phân theo loại hình kinh tế và theo ngành kinh tế năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.85	Số lượng chợ có đến 31/12 hàng năm phân theo hạng năm 2023	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.86	Số lượng trung tâm thương mại có đến 31/12 hàng năm phân theo loại hình kinh tế	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.87	Số lượng siêu thị có đến 31/12 hàng năm phân theo loại hình kinh tế	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.88	Chỉ số giá tiêu dùng các tháng trong năm 2024	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.89	Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ các tháng năm 2024 so với tháng trước	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.90	Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ các tháng năm 2024 so với tháng 12 năm trước	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.91	Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ các tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.92	Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ các tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.93	Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ các tháng năm 2024 so với kỳ gốc 2019	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.94	Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2024 (Năm trước = 100)	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.95	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải phân theo loại hình kinh tế và theo ngành vận tải năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.96	Số lượt hành khách vận chuyển phân theo loại hình kinh tế và theo ngành vận tải năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.97	Số lượt hành khách luân chuyển phân theo loại hình kinh tế và theo ngành vận tải năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.98	Khối lượng hàng hoá vận chuyển phân theo loại hình kinh tế và theo ngành vận tải năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.99	Khối lượng hàng hoá luân chuyển phân theo loại hình kinh tế và theo ngành vận tải năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.100	Số trường học, lớp/nhóm trẻ và phòng học mầm non 2024-2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.101	Số trường mầm non phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024-2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.102	Số lớp mầm non phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024-2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.103	Số giáo viên và học sinh mầm non 2024-2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.104	Số giáo viên mầm non phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024-2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.105	Số học sinh mầm non phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024-2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.106	Số trường học phổ thông 2024-2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.107	Số lớp học phổ thông 2024-2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.108	Số trường phổ thông năm học 2024-2025 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.109	Số lớp học phổ thông năm học 2024-2025 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.110	Số giáo viên phổ thông năm học 2024-2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.111	Số học sinh phổ thông năm học 2024-2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.112	Số giáo viên phổ thông năm học năm học 2024-2025 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.113	Số học sinh phổ thông năm học 2024-2025 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.114	Số học sinh phổ thông bình quân 1 giáo viên và bình quân 1 lớp học phân theo loại hình và phân theo cấp học năm học 2024-2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.115	Số trường, số giáo viên trung cấp chuyên nghiệp năm học 2024-2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.116	Số học sinh trung cấp chuyên nghiệp năm học 2024-2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.117	Số trường, số giáo viên cao đẳng năm học 2024-2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.118	Số sinh viên cao đẳng năm học 2024-2025	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.119	Số tổ chức khoa học công nghệ năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.120	Số cơ sở y tế và giường bệnh do địa phương quản lý năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.121	Số cơ sở y tế, giường bệnh năm 2024 phân theo thành phần kinh tế	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.122	Số cơ sở y tế năm 2024 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.123	Số giường bệnh năm 2024 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.124	Số nhân lực y tế 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.125	Số nhân lực y tế năm 2024 phân theo thành phần kinh tế	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.126	Số nhân lực ngành y năm 2024 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.127	Số nhân lực ngành dược năm 2024 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.128	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2023	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.129	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin phân theo giới tính và loại suy dinh dưỡng năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.130	Số người nhiễm HIV/AIDS phân theo giới tính năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.131	Tỷ lệ xã/phường/thị trấn có bác sỹ phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.132	Tỷ lệ xã/phường/thị trấn có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.133	Tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế phân theo đơn vị hành chính cấp huyện năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.134	Số vụ án, bị can đã khởi tố năm 2024	Sơ bộ	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Xã hội
2.135	Số doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12/2023 phân theo loại hình doanh nghiệp	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.136	Số doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12/2023 phân theo ngành kinh tế	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.137	Số doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12/2023 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.138	Số lao động trong các doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2023 phân theo loại hình doanh nghiệp	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.139	Tổng số lao động trong các doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2023 phân theo ngành kinh tế	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.140	Số lao động trong các doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2023 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.141	Số lao động nữ trong các doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2023 phân theo loại hình doanh nghiệp	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.142	Số lao động nữ trong các doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2023 phân theo ngành kinh tế	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.143	Số lao động nữ trong các doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2023 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.144	Tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2023 của các doanh nghiệp đang hoạt động phân theo loại hình doanh nghiệp	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.145	Tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2023 của các doanh nghiệp đang hoạt động phân theo ngành kinh tế	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.146	Tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2023 của các doanh nghiệp đang hoạt động phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.147	Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2023 phân theo loại hình doanh nghiệp	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.148	Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2023 phân theo ngành kinh tế	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.149	Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2023 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.150	Doanh thu sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đang hoạt động năm 2023 phân theo loại hình doanh nghiệp	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.151	Doanh thu sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đang hoạt động năm 2022 phân theo ngành kinh tế	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.152	Doanh thu sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đang hoạt động năm 2023 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.153	Số doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31/12/2023 phân theo quy mô lao động và phân theo loại hình doanh nghiệp	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.154	Số doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31/12/2023 phân theo quy mô lao động và phân theo ngành kinh tế	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.155	Số doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31/12/2023 phân theo quy mô lao động và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.156	Số doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31/12/2023 phân theo quy mô vốn và phân theo loại hình doanh nghiệp	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.157	Số doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31/12/2023 phân theo quy mô vốn và phân theo ngành kinh tế	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.158	Số doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31/12/2023 phân theo quy mô vốn và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.159	Tổng thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp năm 2023 phân theo loại hình doanh nghiệp	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.160	Tổng thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp năm 2023 phân theo ngành kinh tế	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.161	Tổng thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp phân năm 2023 theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.162	Thu nhập bình quân một tháng của người lao động trong doanh nghiệp năm 2023 phân theo loại hình doanh nghiệp	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.163	Thu nhập bình quân một tháng của người lao động trong doanh nghiệp năm 2023 phân theo ngành kinh tế	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.164	Thu nhập bình quân một tháng của người lao động trong doanh nghiệp năm 2023 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.165	Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp năm 2023 phân theo loại hình doanh nghiệp	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.166	Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp năm 2023 phân theo ngành kinh tế	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.167	Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp năm 2023 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.168	Tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp năm 2023 phân theo loại hình doanh nghiệp	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.169	Tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp năm 2023 phân theo ngành kinh tế	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.170	Tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp năm 2023 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.171	Trang bị tài sản cố định bình quân 1 lao động của doanh nghiệp năm 2023 phân theo loại hình doanh nghiệp	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.172	Trang bị tài sản cố định bình quân 1 lao động của doanh nghiệp năm 2023 phân theo ngành kinh tế	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.173	Trang bị tài sản cố định bình quân 1 lao động của doanh nghiệp năm 2023 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.174	Số hợp tác xã tại thời điểm 31/12/2023 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

STT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
2.175	Số lao động trong hợp tác xã tại thời điểm 31/12/2023 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.176	Số cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản tại thời điểm 31/12/2023 phân theo ngành kinh tế	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.177	Số cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản tại thời điểm 31/12/2023 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.178	Số lao động trong các cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản thời điểm 31/12/2023 phân theo ngành kinh tế	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.179	Số lao động trong các cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản thời điểm 31/12/2023 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.180	Số lao động nữ trong các cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản thời điểm 31/12/2023 phân theo đơn vị hành chính cấp huyện	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế
2.181	Số lao động nữ trong các cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản thời điểm 31/12/2023 phân theo ngành kinh tế	Chính thức	02/7/2025	Trang thông tin điện tử và ấn phẩm	Phòng TK Kinh tế

Nơi nhận:

- Vụ Thống kê Tổng hợp (TCTK);
- Văn phòng UBND Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo CTK;
- Các đơn vị trực thuộc Cục;
- Trang thông tin Điện tử CTK;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG



Vũ Tuấn Hà